

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2021/QĐST-DS ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Ngọc L – sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 319 A, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Ngọc Q – sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 41/10 C, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền: 022474 ngày 20/11/2020

Bị đơn: Văn Phòng luật sư H

Địa chỉ: Số 177 N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T – sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: 734 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2022

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lý Ngọc Q – sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: 41/10 C, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Bùi Văn L – sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 177 N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lý Ngọc L do ông Lý Ngọc Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L không rành về thủ tục giấy tờ để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Do đó bà L đã đến Văn phòng luật sư H để nhờ làm dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà đất tại số 56/2 T, phường T, quận T.

Bà L và ông Lý Ngọc Q là hai chị em cùng đến văn phòng luật sư H tại địa chỉ 177 N, phường T, quận P để tư vấn. Tại văn phòng luật sư H, ông Bùi Văn L là nhân viên của văn phòng đã tiếp chị em ông. Qua trao đổi bằng lời nói, ông L đồng ý nhận làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất tại địa chỉ trên. Sau khi trao đổi, ông Q và bà L thống nhất giao số tiền là 30.000.000đồng cho ông L. Việc giao tiền, ông L có viết giấy biên nhận, cụ thể như sau:

Ngày 14/12/2018 giao cho ông L số tiền là 10.000.000đồng

Ngày 02/12/2019 giao cho ông L số tiền là 10.000.000đồng.

Ngày 12/3/2020 giao cho ông L số tiền là 10.000.000đồng.

Ngày 03/7/2019 giao cho ông L số tiền 15.000.000đồng (Tiền này dùng để thực hiện việc đo vẽ đối với nhà đất xin cấp giấy chứng nhận)

Tổng cộng số tiền bà L giao cho Văn phòng luật sư H là 45.000.000đồng. Ông L cam kết thực hiện công việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà đất tại 56/2 T, phường T, quận T cho bà L và ông Q. Tuy nhiên từ khi ông L nhận tiền đến nay vẫn không thực hiện công việc của mình như đã cam kết. Bà L và ông Q nhiều lần liên hệ với Văn phòng luật sư H để yêu cầu thực hiện hợp đồng dịch vụ nhưng không được giải quyết. Bà L có yêu cầu Văn phòng luật sư H trả lại tiền nhưng phía văn phòng không đồng ý trả.

Bà L khởi kiện yêu cầu Văn phòng luật sư H và ông Bùi Văn L phải trả lại cho bà L số tiền là 45.000.000đồng đã nhận. Bà L đồng ý trừ số tiền đo vẽ và thẩm định là 15.000.000đồng. Số tiền còn lại là 30.000.000đồng, tuy nhiên phía bà L đồng ý trừ thêm các chi phí đi lại, nay chỉ yêu cầu Văn phòng luật sư H và ông Bùi Văn L trả cho bà L số tiền là 18.000.000đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L rút yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại với số tiền 45.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Văn phòng luật sư H do ông Đặng Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Bùi Văn L và văn phòng luật sư H không giao kết hợp đồng lao động, ông L chỉ đến thực tập tại văn phòng. Văn phòng luật sư H không thực

hiện ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với bà Lý Ngọc L. Văn phòng không đóng dấu trên bất cứ văn bản giấy tờ gì liên quan đến vụ án của bà L đang khởi kiện. Bà L chỉ thực hiện các công việc và liên hệ trực tiếp với cá nhân ông Bùi Văn L mà không thông qua văn phòng. Bà L và ông L thỏa thuận giá dịch vụ và giao nhận tiền với nhau, Văn phòng không chứng kiến và không biết việc này. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Văn phòng luật sư H cùng ông Bùi Văn L trả số tiền 18.000.000đồng là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Lý Ngọc Q trình bày:

Ông có ý kiến như bà L trình bày ở trên và không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn L có lời khai thể hiện:

Trước đây, giữa ông với bà Lý Ngọc L có ký văn bản ủy quyền, ông là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Ngọc L trong một vụ án khác khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận T. Ông có nhận tiền thu lao là 30.000.000đồng. Theo thỏa thuận trong văn bản ủy quyền, ông thực hiện công việc ủy quyền cho đến khi kết thúc vụ kiện và không hoàn lại phí bất cứ điều kiện nào.

Theo yêu cầu của bà L ông đã hoàn thành công việc được ủy quyền. Bà L đã rút đơn khởi kiện đối với bà C, vụ án được đình chỉ. Do đó nay ông xác định công việc ủy quyền đã chấm dứt, nên không phải trả lại tiền dịch vụ pháp lý đã nhận của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn L, nhưng ông L vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”. Do bị đơn có trụ sở tọa lạc tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn L nhưng ông L vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Văn phòng luật sư H và ông Bùi Văn L phải bồi thường cho bà L số tiền 45.000.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L.

Xét, bà L yêu cầu Văn phòng luật sư H và ông Bùi Văn L phải trả lại cho bà số tiền đã nhận là 18.000.000đồng. Văn phòng luật sư H không đồng ý với yêu cầu của bà L và cho rằng hai bên không giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, không nhận tiền của bà L. Bà L trực tiếp giao dịch với ông L. Ông L không đồng ý trả lại tiền cho bà L, với lý do dịch vụ pháp lý đã hoàn thành, số tiền trên là chi phí để thực hiện việc khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu nhà trong vụ án khác đã được Tòa án đình chỉ.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà L yêu cầu Văn Phòng luật sư H và ông L cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền đã nhận là 18.000.000đồng. Tuy nhiên bà L không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thực hiện giao dịch ký hợp đồng dịch vụ với Văn phòng luật sư H. Mặt khác, bà L thừa nhận chỉ làm việc, bàn bạc, thỏa thuận và giao tiền trực tiếp cho ông Bùi Văn L, không thông qua văn phòng luật sư H. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của bà L không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ các phiếu thu tiền thể hiện bà L, ông Q với ông L có thỏa thuận thực hiện hợp đồng dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Phần nội dung phiếu thu đều thể hiện ông L ghi nhận số tiền của bà L và ông Q để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Ông L thừa nhận mình có nhận tiền của bà L, ông Q nhưng tiền này để thực hiện dịch vụ pháp lý khởi kiện vụ án tại tòa chứ không phải thực hiện dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Lời trình bày của ông L không được phía bà L thừa nhận và chưa phù hợp với các chứng cứ thu thập được thẩm tra tại phiên tòa cũng như ông L không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của bà L về việc buộc ông L trả lại số tiền 18.000.000đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Xét, ông Q có ý kiến giống như bà L đã trình bày và ông không tranh chấp với bà L về số tiền đã giao cho ông Bùi Văn L. Ông đồng ý với yêu cầu của bà L về việc buộc ông L phải trả lại tiền lại cho bà L. Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của ông Q.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Xét, bà L yêu cầu trả số tiền 18.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên thỏa thuận thực hiện dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, tuy nhiên bên

nhận dịch vụ là ông L chưa thực hiện được dịch vụ như đã cam kết. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu của bà L được nhận ngay số tiền trên là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên ông L phải chịu tiền án phí trên số tiền phải trả là $18.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 900.000 \text{ đồng}$.

Bà L thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý về tiền tạm ứng án phí..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 280, Điều 288, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015 ;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Ngọc L về số tiền bồi thường thiệt hại là 45.000.000 đồng
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Ngọc L.

Buộc ông Bùi Văn L có trách nhiệm trả cho bà Lý Ngọc L số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông L chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) ông Bùi Văn L chịu.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương